TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THNH PHỐ H NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2023
V/v: tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THNH PHỐ H NỘI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sỹ Danh Huệ.

2. Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, THnh phố H Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1990.

ĐKNKTT: Đội 5, xóm Giữa, thôn BT, xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội. Hiện đang tạm trú: 122B Lô S, Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, THnh phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn V, sinh năm 1990.

ĐKNKTT: Đội 5, xóm Giữa, thôn BT, xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội. Hiện đang thi Hnh án tại Trại giam Suối Hai, Cục C10, Bộ Công an (Địa chỉ: xã Cẩm Lĩnh huyện Ba Vì, THnh phố H Nội). Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh H trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội.

Trong thời gian chung sống, chị và anh V đã có những bất đồng từ quan điểm đến cách sống dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau, có một thời gian ngắn sống ly thân. Sau này, khi anh V bị bắt và đi chấp Hnh án, mỗi lần vợ chồng nói chuyện qua điện thoại cũng vẫn xảy ra bất đồng, không thể tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh V nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

Về con chung: Chị và anh V có một con chung là Nguyễn Trúc Lâm sinh ngày 24/7/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản làm việc, bị đơn – anh Nguyễn V trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội. Quá trình chung sống anh chị không phát sinh mâu thuẫn gì. Chỉ đến khi anh xảy ra việc bị bắt thì lúc đó gia đình hai hai bên mới nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách xử lý việc của anh. Trong thời gian anh chấp Hnh án, chị H chỉ đến thăm anh một lần và cũng có nói chuyện ly hôn. Bản thân anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh tôn trọng quyết định của chị.

Vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Trúc Lâm sinh ngày 24/7/2017. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm. Sau này khi anh trở về thì phải được thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của mình.

Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyên vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

- Anh V xin vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh H. Chị H được ly hôn với anh Nguyễn V. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trúc Lâm sinh ngày 24/7/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung tHnh niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V đến khi con chung tHnh niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Minh H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn V. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn V có đăng kí hộ khẩu thường trú tại đội 5, xóm Giữa, thôn BT, xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H là đúng quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn V đang chấp Hnh án tại Trại giam Suối Hai, THnh phố H Nội nên đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến Hnh xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thạch, huyện Q, THnh phố H Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H xin ly hôn vì vợ chồng luôn bất đồng từ cách sống đến quan điểm dẫn đến hay cãi nhau. Ngay cả trong thời gian anh V đang đi chấp Hnh án mà mỗi lần vợ chồng nói chuyện qua điện thoại cũng vẫn xảy ra tranh cãi, không thể tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh V không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng nếu chị H vẫn cương quyết thì anh tôn trọng quyết định của chị, không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh V.

- *Về con chung:* Anh chị có một con chung Nguyễn Trúc Lâm sinh ngày 24/7/2017. Hiện cháu Lâm đang sinh sống cùng với chị H tại THnh phố Hồ Chí Minh. Anh V cũng đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm cho đến khi cháu tHnh niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V đến khi con chung tHnh niên hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Hai bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H đối với anh Nguyễn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trúc Lâm sinh ngày 24/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung tHnh niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn V đến khi cháu Lâm tHnh niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nH đất chung và công nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000670 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Q, tHnh phố H Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Thạch, huyện Q, H Nội (nơi đăng kí kết hôn);
- Lưu:hồ sơ vụ án; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, tHnh phố H Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (tHnh phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" tHnh "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa tHnh niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa tHnh niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa tHnh niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa tHnh niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi Hnh ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi Hnh (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi Hnh án, nghĩa vụ thi Hnh án, thời hiệu thi Hnh án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các tHnh viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)